TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 160 /2025/DS-PT Ngày 05 - 3 - 2025 V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Bình.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Bà Nguyễn Ái Đoan.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2025/TLPT-DS ngày 14/01/2025 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 192/2024/DS-ST ngày 16/9/2024 của Toà án nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2025/QĐ-PT ngày 20/01/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Thị Ngọc H** (**Tên gọi khác là Đ**), sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc H: Anh **Đỗ Văn C**, sinh năm 1984 (Theo Giấy ủy quyền số 2269, quyển số 01/2024TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/02/2023) (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau;

Tạm trú: 317/2 đường H, ấp M, xã M, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Duy K**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Nguyễn Duy K: Chị **Dương Thị C1**, sinh năm 1985 (Theo Giấy ủy quyền số 8446, quyển số 01/2024TP/CC-

SCC/HĐGD ngày 03/6/2024) (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số G, tổ H, ấp B, xã Đ, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn anh Nguyễn Duy K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc H có đại diện theo ủy quyền là anh Đỗ Văn C trình bày:

Do chỗ quen biết, vào ngày 02/02/2023 (âm lịch) chị Huỳnh Thị Ngọc H có cho anh Nguyễn Duy K vay số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay đến cuối tháng 03/2023 (âm lịch) phải trả lại số tiền đã vay. Anh Nguyễn Duy K có làm biên nhận cho chị và hứa sẽ trả đủ tiền khi đến hạn. Đối với lãi suất và thời hạn vay tiền thì chị và anh K chỉ thỏa thuận miệng không ghi cụ thể vào nội dung biên nhận. Khi đến hạn trả tiền, chị nhiều lần yêu cầu anh K trả số tiền 500.000.000 đồng nhưng anh K cứ hứa hẹn, kéo dài đến nay không trả khoản tiền nào cho chị.

Trước đây, chị yêu cầu anh Nguyễn Duy K trả cho chị số tiền đã vay là 500.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1,66%/tháng, nay chị chỉ yêu cầu anh D trả tiền vốn vay và lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày hết thời hạn cho vay là ngày 19/5/2023 đến ngày xét xử là ngày 16/9/2024, trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Duy K có đại diện theo ủy quyền là chị Dương Thị C1 trình bày:

Anh K và chị Huỳnh Thị Ngọc H hoàn toàn không có quen biết với nhau nên không có việc vay mượn số tiền 500.000.000 đồng của chị H. Anh K cho rằng tại "Biên nhận mượn tiền" ngày 02/2/2023 không thể hiện mục đích anh vay tiền để làm gì, cũng không thể hiện chị H đã giao tiền cho anh bằng tiền mặt hay chuyển khoản hoặc thông qua người khác. Anh xác định không vay số tiền 500.000.000 đồng và anh không có viết hay ký tên vào biên nhận mượn tiền nêu trên.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện theo uỷ quyền của anh K không yêu cầu giám định chữ ký tên của anh K trong biên nhận vay. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị H yêu cầu anh K trả số tiền 500.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ngày 19/5/2023 đến ngày xét xử là ngày 16/9/2024 thì anh K không đồng ý.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 192/2024/DS-ST ngày 16/9/2024 của Toà án nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Ngọc H.

Buộc anh Nguyễn Duy K trả cho chị Huỳnh Thị Ngọc H số tiền vốn vay là 500.000.000 đồng và tiền lãi 45.235.000 đồng, tổng cộng vốn, lãi 545.235.000 đồng (Năm trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu anh Nguyễn Duy K chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc H về yêu cầu tính lãi từ 19/5/2023 đến 19/10/2023 với số tiền 20.750.000 đồng.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 23/9/2024 bị đơn Nguyễn Duy K có đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Chị Dương Thị C1 - đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Duy K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và xin vắng mặt.

- Anh Đỗ Văn C - đại diện theo ủy quyền của chị Huỳnh Thị Ngọc H không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của anh K và xin vắng mặt .

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Ngọc H, buộc anh Nguyễn Duy K trả cho chị Huỳnh Thị Ngọc H số tiền vốn vay là 500.000.000 đồng và tiền lãi 45.235.000 đồng, tổng cộng vốn, lãi 545.235.000 đồng (Năm trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng), không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc H về yêu cầu tính lãi từ 19/5/2023 đến 19/10/2023 với số tiền 20.750.000 đồng là có căn cứ. Anh K kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh C, chị C1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Duy K; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc H xác định: vào ngày 02/02/2023 âm lịch (tháng 2 âm lịch sau, tức ngày 22/3/2023 dương lịch) có cho anh Nguyễn Duy K vay số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, hạn đến cuối tháng 3/2023 âm lịch (ngày 29/3/2023 âm lịch, tức ngày 18/5/2023 dương lịch) phải trả. Anh K có làm "Biên nhận mượn tiền", thể hiện nội dung: "…*Tôi tên Nguyễn Duy K sinh năm 1993 có mượn của chị đẹt số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu chẵn)…ngày 2-2-2023 ÂL sau*..", phía dưới có chữ ký và ghi rõ họ tên Nguyễn Duy K. Đồng thời chị H ký vào mục "*người cho mượn tiền*".

[2.2] Phía bị đơn anh Nguyễn Duy K cho rằng anh không quen biết với chị H, không có vay mượn số tiền 500.000.000 đồng và cũng không viết hay ký tên vào "biên nhận mượn tiền" ngày 02/02/2023 âm lịch. Anh K cho rằng biên nhận nợ thể hiện nội dung vay tiền của chị "Đẹt" chứ không phải của chị H. Tại biên nhận cũng không thể hiện vay số tiền để làm gì, nếu có vay thì chị H giao tiền cho anh bằng hình thức nào cũng không nêu rõ.

Tuy nhiên tại giai đoạn sơ thẩm anh K có đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký vào ngày 20/6/2024. Tòa án cấp sơ thẩm đã ra Thông báo số 392/TB-TA ngày 21/6/2024 cho anh K nộp tạm ứng chi phí tố tụng theo quy định trong thời hạn 15 ngày nhưng anh K không thực hiện.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, chị C1 là đại diện theo ủy quyền của anh K có yêu cầu giám định "biên nhận mượn tiền" ngày 02/02/2023 âm lịch nhưng sau đó rút lại yêu cầu giám định.

Theo quy định tại khoản 2, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự: "*2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó."* Nên xem như anh K không có chứng cứ chứng minh cho sự phản đối yêu cầu của chị H.

[2.3] Ngoài ra, bị đơn cho rằng biên nhận thể hiện chị "Đẹt" cho vay số tiền 500.000.000 đồng chứ không phải chị Huỳnh Thị Ngọc H cho vay tiền. Tuy nhiên, tại Đơn xin xác nhận ngày 19/12/2023, Công an xã M, huyện CL, tỉnh Tiền Giang xác nhận chị Huỳnh Thị Ngọc H còn có tên gọi khác là "Đẹt". Mặt khác, phía dưới của biên nhận ngày 02/02/2023 còn có nội dung "*người cho mượn tiền*", chị H ký

tên và ghi họ tên "*Huỳnh Thị Ngọc H (Đẹt)*". Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định chị *Huỳnh Thị Ngọc H có tên gọi khác là Đ là có căn cứ.*

[2.4] Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Anh K kháng cáo nhưng không bổ sung tình tiết nào mới nên không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Duy K không được chấp nhận nên anh K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Duy K.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm 192/2024/DS-ST ngày 16/9/2024 của Toà án nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Ngọc H.

Buộc anh Nguyễn Duy K trả cho chị Huỳnh Thị Ngọc H số tiền vốn vay là 500.000.000 đồng và tiền lãi 45.235.000 đồng, tổng cộng vốn, lãi 545.235.000 đồng (Năm trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu anh Nguyễn Duy K chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc H về yêu cầu tính lãi từ 19/5/2023 đến 19/10/2023 với số tiền 20.750.000 đồng.

3. Về án phí:

3.1. án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Duy K phải chịu 25.809.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Huỳnh Thị Ngọc H phải chịu 1.037.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 12.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018084 ngày 16/10/2023 nên trả lại cho chị số tiền 10.962.500 đồng.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Nguyễn Duy K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016900 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, xem như đã thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

4. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện CL;
- CCTHADS huyện CL;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2025-H

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thanh Bình